PHỤ LỤC I

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã ĐVQHNS	Chương	Loại	Khoản	Mã nguồn	Dự toán đã giao năm 2026 *(sau khi trừ 10% tiết kiệm)*	Dự toán đã thu hồi về ngân sách phường để thực hiện tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP	Dự toán được sử dụng	Điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
	Tổng cộng						**56,266,285,840**	**434,000,000**	**55,832,285,840**	**44,787,524,280**	**44,787,524,280**	**55,832,285,840**	
1	**Trường Mầm non Đông Hải 1**	**1082506**	**822**	**070**	**071**		**11,295,284,680**	**111,000,000**	**11,184,284,680**	**0**	**11,184,284,680**	**0**	**Bàn giao dự toán cho trường Mầm non Đông Hải**
1.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***						***8,041,000,000***	***111,000,000***	***7,930,000,000***	***0***	***7,930,000,000***	***0***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ					13	7,198,565,000	111,000,000	7,087,565,000		7,087,565,000	0	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP					12	401,000,000		401,000,000		401,000,000	0	
	Kinh phí sửa chữa mái tôn, trần tầng 3 và một số lớp; sửa chữa gạch nền phòng thể chất Trường Mầm non ĐH 1					12	91,435,000		91,435,000		91,435,000	0	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP					18	350,000,000		350,000,000		350,000,000	0	
1.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***						***3,254,284,680***	***0***	***3,254,284,680***	***0***	***3,254,284,680***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					12	3,045,964,680		3,045,964,680		3,045,964,680	0	
	Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP					12	208,320,000		208,320,000		208,320,000	0	
2	**Trường Mầm non Đông Hải 2**	**1061754**	**822**	**070**	**071**		**12,108,944,860**	**106,000,000**	**12,002,944,860**	**0**	**12,002,944,860**	**0**	**Bàn giao dự toán cho trường Mầm non Nam Hải**
2.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***						***8,605,119,000***	***106,000,000***	***8,499,119,000***	***0***	***8,499,119,000***	***0***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ					13	7,777,000,000	106,000,000	7,671,000,000		7,671,000,000	0	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP					12	441,119,000		441,119,000		441,119,000	0	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP					18	387,000,000		387,000,000		387,000,000	0	
2.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***						***3,503,825,860***	***0***	***3,503,825,860***	***0***	***3,503,825,860***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					12	3,280,145,860		3,280,145,860		3,280,145,860	0	
	Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP					12	223,680,000		223,680,000		223,680,000	0	
3	**Trường Mầm non Nam Hải**	**1084267**	**822**	**070**	**071**		**11,130,761,560**	**86,000,000**	**11,044,761,560**	**12,002,944,860**	**0**	**23,047,706,420**	**Nhận bàn giao dự toán của trường Mầm non Đông Hải 2**
3.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***						***7,907,396,000***	***86,000,000***	***7,821,396,000***	***8,499,119,000***	***0***	***16,320,515,000***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ					13	7,206,000,000	86,000,000	7,120,000,000	7,671,000,000		14,791,000,000	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP					12	351,596,000		351,596,000	441,119,000		792,715,000	
	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP					12	800,000		800,000			800,000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP					18	349,000,000		349,000,000	387,000,000		736,000,000	
3.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***						***3,223,365,560***	***0***	***3,223,365,560***	***3,503,825,860***	***0***	***6,727,191,420***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					12	3,041,925,560		3,041,925,560	3,280,145,860		6,322,071,420	
	Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP					12	181,440,000		181,440,000	223,680,000		405,120,000	
4	**Trường Tiểu học Nam Hải**	**1080912**	**822**	**070**	**072**		**12,141,267,660**	**76,000,000**	**12,065,267,660**	**0**	**12,065,267,660**	**0**	**Bàn giao dự toán cho trường Tiểu học và THCS Nam Hải**
4.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***						***8,766,000,000***	***76,000,000***	***8,690,000,000***	***0***	***8,690,000,000***	***0***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ					13	8,275,000,000	76,000,000	8,199,000,000		8,199,000,000	0	

STT	Nội dung	Mã ĐVQHNS	Chương	Loại	Khoản	Mã nguồn	Dự toán đã giao năm 2026 *(sau khi trừ 10% tiết kiệm)*	Dự toán đã thu hồi về ngân sách phường để thực hiện tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP	Dự toán được sử dụng	Điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP					12	4,000,000		4,000,000		4,000,000	0	
	Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP					12	71,000,000		71,000,000		71,000,000	0	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP					18	416,000,000		416,000,000		416,000,000	0	
4.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***						***3,375,267,660***	***0***	***3,375,267,660***	***0***	***3,375,267,660***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					12	3,375,267,660		3,375,267,660		3,375,267,660	0	
5	**Trường Trung học cơ sở Nam Hải**	**1070753**	**822**	**070**	**073**		**9,590,027,080**	**55,000,000**	**9,535,027,080**	**0**	**9,535,027,080**	**0**	**Bàn giao dự toán cho trường Tiểu học và THCS Nam Hải**
5.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***						***6,833,000,000***	***55,000,000***	***6,778,000,000***	***0***	***6,778,000,000***	***0***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ					13	6,107,000,000	55,000,000	6,052,000,000		6,052,000,000	0	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP					12	311,250,000		311,250,000		311,250,000	0	
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP					12	3,750,000		3,750,000		3,750,000	0	
	Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP					12	65,000,000		65,000,000		65,000,000	0	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP					18	346,000,000		346,000,000		346,000,000	0	
5.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***						***2,757,027,080***	***0***	***2,757,027,080***	***0***	***2,757,027,080***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					12	2,664,260,080		2,664,260,080		2,664,260,080	0	
	Kinh phí hỗ trợ ôn thi tuyển sinh vào lớp 10					12	92,767,000		92,767,000		92,767,000	0	
6	**Trường Mầm non Đông Hải**	**1173781**	**822**	**070**	**071**		**0**	**0**	**0**	**11,184,284,680**	**0**	**11,184,284,680**	**Nhận bàn giao dự toán của trường Mầm non Đông Hải 1**
6.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***						***0***	***0***	***0***	***7,930,000,000***	***0***	***7,930,000,000***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ					13			0	7,087,565,000	0	7,087,565,000	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP					12			0	401,000,000	0	401,000,000	
	Kinh phí sửa chữa mái tôn, trần tầng 3 và một số lớp; sửa chữa gạch nền phòng thể chất Trường Mầm non ĐH 1					12			0	91,435,000	0	91,435,000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP					18			0	350,000,000	0	350,000,000	
6.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***						***0***	***0***	***0***	***3,254,284,680***	***0***	***3,254,284,680***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					12			0	3,045,964,680	0	3,045,964,680	
	Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP					12			0	208,320,000	0	208,320,000	
7	**Trường Tiểu học và trung học cơ sở Nam Hải**	**1174258**	**822**	**070**			**0**	**0**	**0**	**21,600,294,740**	**0**	**21,600,294,740**	
7.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***						***0***	***0***	***0***	***15,468,000,000***	***0***	***15,468,000,000***	
-	Tiểu học				072		0	0	0	8,690,000,000	0	8,690,000,000	Nhận bàn giao dự toán của trường Tiểu học Nam Hải
+	*Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ*					*13*			*0*	*8,199,000,000*	*0*	*8,199,000,000*	
+	*Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP*					*12*			*0*	*4,000,000*	*0*	*4,000,000*	
+	*Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP*					*12*			*0*	*71,000,000*	*0*	*71,000,000*	
+	*Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP*					*18*			*0*	*416,000,000*	*0*	*416,000,000*	
-	Trung học cơ sở				073		0	0	0	6,778,000,000	0	6,778,000,000	Nhận bàn giao dự toán của trường THCS Nam Hải

STT	Nội dung	Mã ĐVQHNS	Chương	Loại	Khoản	Mã nguồn	Dự toán đã giao năm 2026 *(sau khi trừ 10% tiết kiệm)*	Dự toán đã thu hồi về ngân sách phường để thực hiện tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP	Dự toán được sử dụng	Điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
										Tăng	Giảm		
+	*Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ*					*13*			*0*	*6,052,000,000*	*0*	*6,052,000,000*	
+	*Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP*					*12*			*0*	*311,250,000*	*0*	*311,250,000*	
+	*Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP*					*12*			*0*	*3,750,000*	*0*	*3,750,000*	
+	*Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP*					*12*			*0*	*65,000,000*	*0*	*65,000,000*	
+	*Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP*					*18*			*0*	*346,000,000*	*0*	*346,000,000*	
7.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***						***0***	***0***	***0***	***6,132,294,740***	***0***	***6,132,294,740***	
-	Tiểu học				072		0	0	0	3,375,267,660	0	3,375,267,660	Nhận bàn giao dự toán của trường Tiểu học Nam Hải
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					*12*			*0*	*3,375,267,660*	*0*	*3,375,267,660*	
-	Trung học cơ sở				073		0	0	0	2,757,027,080	0	2,757,027,080	Nhận bàn giao dự toán của trường THCS Nam Hải
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố					*12*			*0*	*2,664,260,080*	*0*	*2,664,260,080*	
	Kinh phí hỗ trợ ôn thi tuyển sinh vào lớp 10					*12*			*0*	*92,767,000*	*0*	*92,767,000*	

PHỤ LỤC II

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026 (đến ngày 19/8/2026)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Dự toán đã sử dụng	Còn lại	Ghi chú
	Sự nghiệp Giáo dục	**55,832,285,840**	**43,643,474,834**	**12,188,811,006**	
1	**Mầm non Đông Hải 1**	**11,184,284,680**	**8,634,398,586**	**2,549,886,094**	**Bàn giao dự toán cho trường Mầm non Đông Hải**
1.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***	***7,930,000,000***	***5,380,113,906***	***2,549,886,094***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	7,087,565,000	4,979,594,906	2,107,970,094	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	401,000,000	400,519,000	481,000	
	Kinh phí sửa chữa mái tôn, trần tầng 3 và một số lớp; sửa chữa gạch nền phòng thể chất Trường Mầm non ĐH 1	91,435,000		91,435,000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	350,000,000		350,000,000	
1.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***	***3,254,284,680***	***3,254,284,680***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	3,045,964,680	3,045,964,680	0	
	Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP	208,320,000	208,320,000	0	
2	**Mầm non Đông Hải 2**	**12,002,944,860**	**9,515,462,853**	**2,487,482,007**	**Bàn giao dự toán cho trường Mầm non Nam Hải**
2.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***	***8,499,119,000***	***6,011,636,993***	***2,487,482,007***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	7,671,000,000	5,570,517,993	2,100,482,007	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	441,119,000	441,119,000	0	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	387,000,000		387,000,000	
2.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***	***3,503,825,860***	***3,503,825,860***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	3,280,145,860	3,280,145,860	0	

STT	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Dự toán đã sử dụng	Còn lại	Ghi chú
	Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP	223,680,000	223,680,000	0	
3	**Mầm non Nam Hải**	**11,044,761,560**	**8,822,266,913**	**2,222,494,647**	**Nhận bàn giao dự toán của trường Mầm non Đông Hải 2**
3.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***	***7,821,396,000***	***5,598,901,353***	***2,222,494,647***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	7,120,000,000	5,246,505,353	1,873,494,647	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	351,596,000	351,596,000	0	
	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	800,000	800,000	0	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	349,000,000		349,000,000	
3.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***	***3,223,365,560***	***3,223,365,560***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	3,041,925,560	3,041,925,560	0	
	Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP	181,440,000	181,440,000	0	
4	**Tiểu học Nam Hải**	**12,065,267,660**	**9,195,344,373**	**2,869,923,287**	**Bàn giao dự toán cho trường Tiểu học và THCS Nam Hải**
4.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***	***8,690,000,000***	***5,820,076,713***	***2,869,923,287***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	8,199,000,000	5,788,557,204	2,410,442,796	
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	4,000,000	3,000,000	1,000,000	
	Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP	71,000,000	28,519,509	42,480,491	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	416,000,000		416,000,000	
4.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***	***3,375,267,660***	***3,375,267,660***	***0***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	3,375,267,660	3,375,267,660	0	
5	**Trung học cơ sở Nam Hải**	**9,535,027,080**	**7,476,002,109**	**2,059,024,971**	**Bàn giao dự toán cho trường Tiểu học và THCS Nam Hải**

STT	Nội dung	Dự toán được sử dụng	Dự toán đã sử dụng	Còn lại	Ghi chú
5.1	***Dự toán giao đầu năm (Loại dự toán 01)***	***6,778,000,000***	***4,723,462,029***	***2,054,537,971***	
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	6,052,000,000	4,344,549,465	1,707,450,535	
	Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	311,250,000	311,144,000	106,000	
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	3,750,000	3,750,000	0	
	Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP	65,000,000	64,018,564	981,436	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	346,000,000		346,000,000	
5.2	***Dự toán bổ sung trong năm (Loại dự toán 02)***	***2,757,027,080***	***2,752,540,080***	***4,487,000***	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	2,664,260,080	2,664,260,080	0	
	Kinh phí hỗ trợ ôn thi tuyển sinh vào lớp 10	92,767,000	88,280,000	4,487,000	

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Đông Hải 1

Mã ĐVQHNS: 1082506

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

Đơn tính vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
822	**070**	**071**	**Chi giáo dục**	**-11,184,284,680**
			I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 13)***	**-7,087,565,000**
			II. Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	**-4,096,719,680**
			Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-401,000,000
			Kinh phí sửa chữa mái tôn, trần tầng 3 và một số lớp; sửa chữa gạch nền phòng thể chất Trường Mầm non ĐH 1 ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-91,435,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	-350,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	-3,045,964,680
			Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12)***	-208,320,000

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Đông Hải 2

Mã ĐVQHNS: 1061754

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

Đơn tính vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
822	**070**	**071**	**Chi giáo dục**	**-12,002,944,860**
			I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 13)***	**-7,671,000,000**
			II. Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	**-4,331,944,860**
			Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-441,119,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	-387,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	-3,280,145,860
			Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12)***	-223,680,000

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Nam Hải

Mã ĐVQHNS: 1084267

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

Đơn tính vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
822	**070**	**071**	**Chi giáo dục**	**12,002,944,860**
			I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 13)***	**7,671,000,000**
			II. Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	**4,331,944,860**
			Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	441,119,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	387,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	3,280,145,860
			Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12)***	223,680,000

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học Nam Hải

Mã ĐVQHNS: 1080912

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

Đơn tính vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
822	**070**	**072**	**Chi giáo dục**	**-12,065,267,660**
			I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 13)***	**-8,199,000,000**
			II. Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	**-3,866,267,660**
			KP hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-4,000,000
			Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-71,000,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	-416,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	-3,375,267,660

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường THCS Nam Hải

Mã ĐVQHNS: 1070753

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

Đơn tính vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
822	**070**	**073**	**Chi giáo dục**	**-9,535,027,080**
			I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 13)***	**-6,052,000,000**
			II. Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	**-3,483,027,080**
			Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-311,250,000
			KP hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-3,750,000
			Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	-65,000,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	-346,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	-2,664,260,080
			Kinh phí hỗ trợ ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12)***	-92,767,000

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Đông Hải

Mã ĐVQHNS: 1173781

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

Đơn tính vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
822	**070**	**071**	**Chi giáo dục**	**11,184,284,680**
			I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 13)***	**7,087,565,000**
			II. Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	**4,096,719,680**
			Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	401,000,000
			Kinh phí sửa chữa mái tôn, trần tầng 3 và một số lớp; sửa chữa gạch nền phòng thể chất Trường Mầm non ĐH 1 ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	91,435,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	350,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	3,045,964,680
			Kinh phí hỗ trợ đối tượng tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12)***	208,320,000

DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Hải

Mã ĐVQHNS: 1174258

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hải)

Đơn tính vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Dự toán điều chỉnh
822	**070**		**Chi giáo dục**	**21,600,294,740**
			I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 13)***	**14,251,000,000**
		072	Tiểu học	8,199,000,000
		073	Trung học cơ sở	6,052,000,000
			II. Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	**7,349,294,740**
		072	***Tiểu học***	***3,866,267,660***
			Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	4,000,000
			Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	71,000,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	416,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	3,375,267,660
		073	***Trung học cơ sở***	***3,483,027,080***
			Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	311,250,000
			Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	3,750,000
			Kinh phí phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 12)***	65,000,000
			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ***(Loại dự toán 01, Mã nguồn 18)***	346,000,000
			Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12, Mã dự phòng 135)***	2,664,260,080

			Kinh phí hỗ trợ ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 ***(Loại dự toán 02, Mã nguồn 12)***	92,767,000